

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 04/2020/LĐ-GĐT

Ngày 12/6/2020

V/v “*Yêu cầu đóng tiền bảo hiểm xã
hội và trả trợ cấp thôi việc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự - Thẩm phán.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến và ông Lê Phước Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án lao động “*Yêu cầu đóng tiền bảo hiểm xã hội và trả trợ cấp thôi việc*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết N; sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ X, Khu phố X, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần G thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: Số X P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Ch - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L - Phó giám đốc và ông Bùi Đắc Th - Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2016 của Giám đốc Công ty).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: Số X, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Văn N1 - Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2012 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Viết N trình bày:

Tháng 02/1992, Ông được nhận vào làm công nhân xây dựng tại Xí

nghiệp Giao thông vận tải và đô thị T (nay là Công ty cổ phần G thành phố T), Công ty có đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho Ông, cùng với ông có ông Lương S (hiện tại vẫn còn làm tại Công ty), ông Trần Th, ông Phạm T. Trong thời gian này Ông đã được Công ty đăng ký tên trong sổ hộ khẩu của Công ty lập năm 1993.

Ngày 01/01/1994, Ông được Công ty ký hợp đồng lao động 013 ngày 01/01/1994, với thời hạn là 03 năm. Khoảng tháng 06/1996 Ông được Công ty cho đi học lớp đại học tại chức tại Trường Trung học Giao thông vận tải khu vực II Đà Nẵng đến đầu năm 2002 thì tốt nghiệp ra trường.

Trong quá trình học, do học hệ tại chức nên mỗi năm học khoảng 05 tháng, một năm đầu trong những tháng Ông đi học thì Công ty có cho hưởng lương theo mức lương cơ bản nhưng sau đó thì cắt lương, còn 6 đến 7 tháng còn lại không học Ông về làm công nhân tại đội xây dựng của Công ty và hưởng lương theo sản phẩm.

Ngày 01/4/1999, Ông được Công ty ký hợp đồng lao động 16 ngày 01/4/1999 không xác định thời hạn. Trong quá trình làm việc, Công ty điều trích 5% lương của Ông để đóng bảo hiểm xã hội.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, đến ngày 14/02/2006 Ông làm đơn xin chuyển công tác đến Công ty Tân Nh và được Giám đốc Công ty cổ phần G thành phố T chấp nhận cho chuyển công tác. Sau đó, Ông yêu cầu Công ty làm thủ tục rút sổ bảo hiểm xã hội thì được ông Bùi Đắc Th - Trưởng phòng Tổ chức của Công ty cho biết hiện nay sổ bảo hiểm xã hội của Ông do Bảo hiểm xã hội thành phố T quản lý. Do đó, khi Ông xin chuyển công tác sang Công ty Tân Nh thì không có hồ sơ chuyển công tác của Ông (do Công ty không đưa cho Ông) mà chỉ có đơn xin chuyển công tác nên Công ty Tân Nh ký hợp đồng lao động mới và đóng bảo hiểm xã hội lại từ đầu.

Tháng 4/2012, Ông đến cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T để làm thủ tục chốt sổ bảo hiểm thì được trả lời là không có tên Ông trong danh sách cán bộ, công nhân Công ty cổ phần G thành phố T tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Ông được Bảo hiểm xã hội thành phố T hướng dẫn khiếu nại đến Công ty, Ông khiếu nại nhưng không được Công ty giải quyết.

Sau khi Tòa án hòa giải lần 01, Bảo hiểm xã hội thành phố T có mời Ông lên làm việc và cho biết khi Công ty cổ phần G thành phố T làm sổ bảo hiểm xã hội cho Ông đã thiếu các giấy tờ theo quy định nên Bảo hiểm xã hội đã trả lại hồ sơ cho ông Bùi Đắc Th (Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty) để bổ sung đầy đủ hồ sơ nhưng ông Th không nhận và cũng không cung cấp bổ sung hồ sơ cho cơ quan bảo hiểm xã hội nên Ông chưa được Bảo hiểm xã hội thành phố T cấp sổ bảo hiểm xã hội.

Nay, Ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần G thành phố T đóng bảo

hiểm xã hội cho Ông từ tháng 02/1992 đến tháng 02/2006 và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho Ông; đồng thời trả trợ cấp thôi việc từ tháng 02/2006 đến nay.

- *Bị đơn là Công ty cổ phần G thành phố T, tỉnh Quảng Nam trình bày:*

- Tháng 5/1994, ông N mới nộp đơn xin việc và làm tại Xí nghiệp Giao thông vận tải và đô thị T (nay là Công ty cổ phần G thành phố T). Năm 1995, trường Trung cấp Giao thông vận tải khu vực II tại Đà Nẵng có tuyển sinh lớp trung cấp cầu đường. Khi đó có một số người xin đi học và được Công ty đồng ý gồm: ông Nguyễn Huy Ch, Nguyễn Tr, Thi Lý H, Nguyễn L, ông Lê Văn T và ông Nguyễn Viết N. Theo yêu cầu của trường, Xí nghiệp ra Quyết định số 67/QĐ-XN ngày 20/5/1995 cho ông Nguyễn Viết N đi học.

- Tháng 8/1995 theo yêu cầu của trường phải có giấy thôi trả lương. Xí nghiệp làm giấy thôi trả lương số 02/GTTL-XN ngày 25/9/1995 chuyển đến Trường trung cấp Giao thông vận tải tại khu vực II Đà Nẵng cho ông Nguyễn Viết N. Trong thời gian học, nhà trường trả lương cho ông N và một số người khác.

Như vậy, ông Nguyễn Viết N không ký hợp đồng lao động, không làm việc tại Công ty mà yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội cho ông N là trái với quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

- Ngày 01/4/1999, Công ty có ký hợp đồng lao động số 16 không xác định thời hạn với ông N và đăng ký nộp bảo hiểm xã hội cho ông N từ tháng 04/1999. Công ty đã làm thủ tục kê khai nộp lên Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị cấp sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nam. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho ông N đầy đủ từ tháng 4/1999 đến tháng 02/2006 theo quy định của pháp luật.

- Đến tháng 02/2006, ông N làm đơn xin chuyển công tác, Công ty thống nhất và ông N công tác ở cơ quan khác từ đó đến nay. Do ông N không cung cấp cơ quan tiếp nhận nên Công ty không ra quyết định chuyển công tác cho ông Nguyễn Viết N.

Như vậy, Công ty cổ phần G thành phố T đã nộp bảo hiểm xã hội cho ông N từ tháng 04/1999 đến tháng 02/2006 và lập đầy đủ thủ tục nộp lên Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị cấp sổ bảo hiểm xã hội cho ông N đúng quy định pháp luật.

Nay, ông N khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần G T nộp bảo hiểm xã hội cho ông N từ tháng 02/1992 đến tháng 02/2006 và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho Ông; đồng thời trả trợ cấp thôi việc từ tháng 02/2006 đến nay là không có căn cứ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu hồ sơ tham gia Bảo hiểm xã hội của Công ty cổ phần G T thì ông Nguyễn Viết N được Công ty đóng Bảo hiểm xã hội từ

tháng 4/1999 với hệ số lương 1,55. Mức lương tham gia Bảo hiểm xã hội mà Công ty đã đóng cho ông N từ tháng 01/2000 đến tháng 04/2003 là 1,72, từ tháng 05/2003 đến tháng 09/2004 là 1,78 và từ tháng 10/2004 đến tháng 02/2006 là 2,34.

Vào cuối năm 2006, Công ty cổ phần G T có làm đề nghị cấp sổ BHXH cho ông Nguyễn Viết N nhưng hồ sơ của ông N chưa đầy đủ. Do vậy, Bảo hiểm xã hội thành phố T trả lại hồ sơ cho Công ty yêu cầu bổ sung hồ sơ và kê khai cho đúng, nhưng Công ty không nhận dẫn tới việc ông N chưa được cấp sổ Bảo hiểm xã hội. Căn cứ tờ khai cấp sổ Bảo hiểm xã hội do ông N kê khai, thời gian công tác bắt đầu từ tháng 02/1992 và các mức lương đóng Bảo hiểm xã hội từng thời điểm không đúng với mức đăng ký đóng Bảo hiểm xã hội do Công ty cổ phần G T đăng ký nộp, đối chiếu với hồ sơ thu Bảo hiểm xã hội của Công ty cổ phần G T thì quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Viết N bắt đầu từ tháng 04/1999 đến tháng 02/2006.

Ông N chưa có hồ sơ chứng minh tham gia công tác tại Công ty từ tháng 02/1992 và quá trình kê khai mức lương đóng Bảo hiểm xã hội không đúng với hồ sơ đang quản lý. Do đó, Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị ông N cung cấp các hồ sơ chứng minh thời gian tham gia công tác từ tháng 02/1992 đến tháng 03/1999, kê khai lại mức lương tham gia Bảo hiểm xã hội từ tháng 04/1999 khớp với danh sách đăng ký đóng Bảo hiểm xã hội và đề nghị ông N phối hợp với Công ty cổ phần G T hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp sổ Bảo hiểm xã hội cho ông Nam.

- Tại Bản án Lao động sơ thẩm số 05/2016/LĐ-ST ngày 22/01/2016, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào các điểm b, d khoản 1 Điều 31 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 186 Bộ luật lao động (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Áp dụng Điều 2, Điều 18, Điều 19; Điều 21, Điều 85, Điều 86, Điều 99 Luật Bảo hiểm xã hội (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Viết N yêu cầu Công ty cổ phần G T đóng tiền bảo hiểm xã hội và trả tiền trợ cấp thôi việc.

Buộc Công ty cổ phần G T phải nộp tiền bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Viết N từ tháng 01/1995 đến tháng 3/1999 tổng cộng số tiền phải nộp là 8.663.692 đồng. Công ty cổ phần G T đóng tiền bảo hiểm xã hội trên cho ông Nguyễn Viết N tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T.

Buộc Công ty cổ phần G T phải có nghĩa vụ chuyển các giấy tờ cho Bảo hiểm xã hội thành phố T làm thủ tục cấp sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Viết N từ tháng 01/1994 đến tháng 02/2006.

Công ty cổ phần G T tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định

của pháp luật về bảo hiểm xã hội kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi nộp xong số tiền trên.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết N đối với Công ty cổ phần G T về việc đề nghị trả tiền trợ cấp thôi việc.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 28/01/2016, Công ty cổ phần G T kháng cáo Bản án Lao động sơ thẩm nêu trên;

- Tại Bản án Lao động phúc thẩm số 01/2016/LĐ-PT ngày 21/4/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần G thành phố T.

2. Huỷ bản án lao động sơ thẩm số 05/2016/LĐ-ST ngày 22/01/2016 của Toà án nhân dân thành phố T; về việc “Yêu cầu đóng tiền bảo hiểm xã hội và trả tiền trợ cấp thôi việc”; giữa Nguyên đơn là ông Nguyễn Viết N, sinh năm 1967 với bị đơn là Công ty cổ phần G thành phố T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố T.

Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 27/4/2016, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý lại vụ án.

- Tại Bản án Lao động sơ thẩm số 16/2016/LĐST ngày 27/7/2016, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào các điểm b, d khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 186 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 2, Điều 18, Điều 19; Điều 21, Điều 85, Điều 86, Điều 99 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Viết N về việc yêu cầu Công ty cổ phần G thành phố T đóng tiền bảo hiểm xã hội và trả tiền trợ cấp thôi việc.

Buộc Công ty cổ phần G thành phố T phải nộp tiền bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Viết N từ tháng 01/1995 đến tháng 3/1999 tổng cộng số tiền phải nộp là 24.760.352 đồng. Công ty cổ phần G thành phố T đóng tiền bảo hiểm xã hội trên cho ông Nguyễn Viết N tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T.

Buộc Công ty cổ phần G thành phố T phải có nghĩa vụ chuyển các giấy tờ cho Bảo hiểm xã hội thành phố T làm thủ tục cấp sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Viết N từ tháng 01/1994 đến tháng 02/2006. Công ty cổ phần G thành phố T tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi nộp xong số tiền trên.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết N đối với Công ty cổ phần

G thành phố T về việc đòi tiền trợ cấp thôi việc.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên quyền và nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/8/2016, Công ty cổ phần G T kháng cáo Bản án Lao động sơ thẩm nêu trên.

- Tại Bản án Lao động phúc thẩm số 02/2016/LĐ-PT ngày 19/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Giao thông công chính thành phố T, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 16/2016/LĐST ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 29/12/2016, Công ty cổ phần G T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án Lao động phúc thẩm nêu trên.

Ngày 23/4/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ra Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 02/TB-TA cho Công ty cổ phần G T.

Ngày 09/8/2019, Công ty cổ phần G T tiếp tục có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án Lao động phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2019/KN-LĐ ngày 06/12/2019, Chánh án tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án lao động phúc thẩm số 02/2016/LĐ-PT ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án lao động phúc thẩm số 02/2016/LĐ-PT ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án lao động sơ thẩm số 16/2016/2016/LĐ-ST ngày 27/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T; Đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Nguyễn Viết N là công nhân xây dựng của Công ty cổ phần G thành phố T. Ngày 14/02/2006, ông Nguyễn Viết N làm đơn xin chuyển công tác, cùng ngày ông được Giám đốc Công ty cổ phần G thành phố T chấp thuận.

[2]. Ngày 16/10/2012, ông N khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, buộc Công ty cổ phần G thành phố T đóng bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 02/1992 đến tháng 6/2006 và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông; trả trợ cấp thôi việc cho ông theo hệ số lương 2,34 mà ông được Công ty áp dụng từ tháng 01/2004 đến tháng 02/2006 khi ông xin chuyển công tác theo quy định của pháp luật.

Tại Đơn phản tố đề ngày 11/5/2016 của Công ty cổ phần G thành phố T và Bản tự khai của đại diện theo pháp luật của Công ty ngày 11/5/2016, Công ty cho rằng ông N đã biết quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm từ tháng 11/2006 nhưng đến tháng 10/2012 ông N mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện.

Tại Bản tự khai của ông N ngày 21/11/2012 thể hiện: Khi ông có đơn xin chuyển công tác và được Giám đốc công ty cổ phần G thành phố T chấp thuận, ông đã yêu cầu Công ty cho rút hồ sơ cá nhân và làm thủ tục cho ông rút sổ bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty đã yêu cầu ông liên hệ với Phòng Bảo hiểm xã hội thành phố để rút sổ bảo hiểm. Khi liên hệ với Phòng Bảo hiểm xã hội thành phố T thì được trả lời là ông không có tên trong danh sách cán bộ, công nhân Công ty tham gia đóng bảo hiểm xã hội nên không có sổ bảo hiểm xã hội và được hướng dẫn khiếu nại đến Công ty cổ phần G thành phố T và được lãnh đạo Công ty chấp nhận thời gian công tác của ông là từ tháng 02/1992 đến tháng 02/2006, nhưng chỉ xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông là 06 năm 10 tháng.

Lời khai của ông N phù hợp với trình bày của Công ty cổ phần G thành phố T, theo đó: Tháng 11/2006, ông N đã làm đơn khiếu nại gửi đến nhiều nơi nên ngày 06/3/2007, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 17/TTr gửi đến Công ty cổ phần G thành phố T về việc này. Ngày 09/3/2007, Công ty cổ phần G thành phố T có Công văn số 16/CV-CT trả lời Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội tỉnh Quảng Nam với nội dung: Công ty đăng ký bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Viết N từ năm 1999; Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông N làm tờ khai để trình cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp sổ bảo hiểm xã hội nhưng ông N làm tờ khai bảo hiểm xã hội không đúng, đến ngày 07/12/2006 ông N mới làm lại tờ khai; Công ty đã gửi lên Bảo hiểm xã hội thành phố T giải quyết làm sổ bảo hiểm xã hội cho ông N nên việc ông N khiếu nại Công ty không trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông N là không đúng sự thật.

Như vậy, ông N đã biết việc Công ty cổ phần G thành phố T không đóng bảo hiểm xã hội cho ông từ năm 2006 nhưng đến ngày 16/10/2012, ông N mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động về bảo hiểm xã hội là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 167 Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007 theo đó: Thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là một năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích của mình bị vi phạm đối với tranh chấp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 166 của Bộ luật này và khoản 1 Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011). Trong trường hợp này Tòa án phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì mới đúng vì tại Đơn phản tố ngày 11/5/2016 Công ty cổ phần G thành phố T đã có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án₇ cấp phúc thẩm lại giải quyết vụ án là

không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; hủy toàn bộ Bản án lao động phúc thẩm số 02/2016/LĐ-PT ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án lao động sơ thẩm số 16/2016//LĐ-ST ngày 27/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T; đình chỉ giải quyết vụ án.

Do Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án khi đã hết thời hiệu khởi kiện nên Công ty Cổ phần G thành phố T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần G thành phố T số tiền án phí lao động phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0002282 ngày 15/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Đối với số tiền án phí lao động sơ thẩm 742.810đ (Bảy trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm mười đồng) và số tiền nộp Bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Viết N từ tháng 01/1995 đến tháng 3/1999 là 24.760.352đ (Hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi ngàn ba trăm năm mươi hai đồng), theo nội dung Công văn số 81/CV-CCTHADS ngày 11/3/2020 của Chi Cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam thì hiện nay hai khoản thu trên đã được Chấp hành viên Chi cục ban hành Quyết định số 04/QĐ-CCTHADS ngày 30/12/2019 cưỡng chế khấu trừ trong tài khoản số 0361001372001 của Công ty Cổ phần G thành phố T tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh tỉnh Quảng Nam và đã thực hiện xong.

Do đó, hoàn trả cho Công ty Cổ phần G thành phố T số tiền án phí lao động sơ thẩm 742.810đ (Bảy trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm mười đồng) và 24.760.352đ (Hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi ngàn ba trăm năm mươi hai đồng) là số tiền nộp Bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Viết N từ tháng 01/1995 đến tháng 3/1999 theo Quyết định số 04/QĐ-CCTHADS ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 4 Điều 343; Điều 346 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2019/KN-LĐ ngày 06/12/2019, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy toàn bộ Bản án lao động phúc thẩm số 02/2016/LĐ-PT ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án lao động sơ thẩm số

16/2016/LĐ-ST ngày 27/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T; đình chỉ giải quyết vụ án.

3. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần G thành phố T số tiền án phí lao động sơ thẩm 742.810đ (Bảy trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm mười đồng) và 24.760.352đ (Hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi ngàn ba trăm năm mươi hai đồng) là số tiền nộp Bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Viết N từ tháng 01/1995 đến tháng 3/1999 theo Quyết định số 04/QĐ-CCTHADS ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp T, tỉnh Quảng Nam.

4. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần G thành phố T số tiền án phí lao động phúc thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 0002282 ngày 15/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Tòa án nhân dân Tp T, tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ, hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự

